

MỤC LỤC

Trần Thùy Linh, Trần Thị Bình An - Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật phòng vệ thương mại ở Việt Nam.....	2
Vũ Xuân Trường - Một số vấn đề về chiến lược phát triển nguồn nhân lực nhằm xây dựng thương hiệu doanh nghiệp trong kỷ nguyên số.....	7
Nguyễn Văn Hùng, Đàm Văn Khanh - Thúc đẩy thu hút đầu tư vào các tỉnh phía bắc Việt Nam Kinh nghiệm thành công của tỉnh Quảng Ninh.....	13
Cù Phúc Thành, Nguyễn Thị Mai Hương, Bế Hùng Trường - Những thành tựu và nguyên nhân thành tựu trong cải cách kinh tế của Trung Quốc	17
Trần Thùy Linh, Đồng Đức Duy - Hợp đồng nhượng quyền thương mại và nguy cơ xác lập hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường.....	23
Đỗ Minh Tuấn - Đề xuất một số kinh nghiệm giải quyết việc làm cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa trong quá trình công nghiệp hóa đô thị hóa.....	28
Phạm Hồng Trường, Nguyễn Quỳnh Hoa, Phạm Thị Linh - Tối thiểu hóa tổng thời gian hoàn thành các công việc có trọng số khác nhau trên mô hình máy đơn trong sản xuất.....	34
Trần Văn Nguyễn, Vũ Việt Linh - Tăng trưởng xanh tại Việt Nam - Góc nhìn từ tác động năng lượng và tăng trưởng kinh tế đến khí thải Các-bon: Bằng chứng toàn diện từ phương pháp ARDL	38
Trần Thanh Tùng, Nguyễn Thị Thu Hằng, Đỗ Thanh Phúc, Hoàng Thanh Hải - Mô hình phân tích các yếu tố tác động đến cầu lao động của các doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên.....	45
Nguyễn Quang Huy, Trần Thị Kim Anh - Chế độ bảo hiểm thai sản theo luật bảo hiểm xã hội năm 2014 – Một số tồn tại và phương hướng hoàn thiện	50
Trần Xuân Thủy, Nguyễn Thanh Tú, Nguyễn Ngọc Lý - Chất lượng tăng trưởng kinh tế thành phố Yên Bái: Thực trạng và giải pháp	55
Bùi Đình Hòa, Đỗ Xuân Luận, Bùi Thị Thanh Tâm, Lò Văn Tiến - Xác định nhu cầu xây dựng nhân hiệu tập thể của hộ trồng cà phê huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.....	60
Lê Ngọc Nương, Chu Thị Vân Anh - Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động trong các công ty xây dựng công trình giao thông – Trường hợp nghiên cứu tại Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Thái Nguyên.....	68
Nguyễn Đức Thu, Nguyễn Văn Anh - Phát triển bền vững doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.....	72
Hoàng Thái Sơn, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Văn Định, Vũ Thị Thanh Mai - Giải pháp phát triển nguồn nhân lực tại công ty nhiệt điện Cao Ngạn.....	78
Lê Thị Anh Quyên - Thực trạng mua, bán nợ giữa các tổ chức tín dụng và VAMC bằng trái phiếu đặc biệt.....	85
Phạm Minh Hương, Trần Văn Quyết, Nguyễn Thị Minh Huệ - Liên kết vùng trong thu hút đầu tư phát triển kinh tế xã hội khu vực Đông Bắc.....	92
Trương Đức Huy - Lựa chọn và đánh giá hiệu quả các bài tập phát triển thể lực cho nam sinh viên K52 trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên	97

NHỮNG THÀNH TỰU VÀ NGUYÊN NHÂN THÀNH TỰU TRONG CẢI CÁCH KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC

Cù Phúc Thành¹, Nguyễn Thị Mai Hương²,
Bế Hùng Trường³

Tóm tắt

Hiện tượng phát triển kinh tế thành công thần kỳ của Trung Quốc với những thành tựu khổng lồ đã và đang được cả thế giới đặc biệt quan tâm. Những thành tựu đó thể hiện qua những chỉ tiêu cơ bản như tốc độ tăng trưởng và qui mô nền kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, phát triển công nghiệp, xuất nhập khẩu... Trong những nguyên nhân thành công có vai trò của những lợi thế so sánh lớn và sự lãnh đạo kinh tế xuất sắc của chính phủ Trung Quốc. Nỗ lực phân tích, đánh giá những thành tựu và nguyên nhân của chúng trong phát triển kinh tế Trung Quốc sẽ giúp chúng ta rút ra những bài học quý giá đầy ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Bài báo này trình bày một nghiên cứu nhỏ bé nhằm cố gắng đóng góp vào nỗ lực chung đó.

Từ khóa: Kinh tế Trung Quốc, lợi thế so sánh, phát triển kinh tế, chính sách kinh tế, hội nhập toàn cầu.

THE ECONOMY OF CHINA: THE GIANT RISES UP - ACHIEVEMENTS AND CAUSES

Abstract

China's miracle economic success with a giant scale has been the world's special interest. The achievements are reflected in the key indicators such as economic growth, the scale of the economy, foreign investment, industrial development, exports and imports. Among the reasons for the great success are enormous comparative advantages of the country and the excellent leadership of the Chinese government. Efforts to analyze and evaluate the success and the causes of those achievements will help us obtain precious lessons which are both theoretically and practically meaningful. This paper uses qualitative analysis based on the available quantitative data to contribute to those efforts.

Key words: China's economy, comparative advantage, economic development, economic policy, global integration.

1. Giới thiệu

Từ khi thực hiện cải cách, mở cửa năm 1978 tới nay, Trung Quốc đã hết sức thành công trong việc đưa một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu trở thành một nền kinh tế khổng lồ với qui mô công nghiệp lớn nhất thế giới. Hiện tượng đó khiến nhất cử nhất động của nền kinh tế này đều được thế giới theo dõi và ghi lại rất sát sao nhằm dự đoán, phân tích, đánh giá tác động của nó đối với thế giới và rút ra những bài học kinh nghiệm cho các nước khác, nhất là những nước đang phát triển. Việt Nam là một nước có nhiều đặc thù văn hóa xã hội tương đồng nên bài học kinh nghiệm đó sẽ có rất nhiều giá trị thực tiễn. Hơn nữa, Việt Nam lại tiếp giáp với Trung Quốc nên chịu những tác động, cả tích cực cũng như tiêu cực, của nước này một cách trực tiếp với mức độ ảnh hưởng rất lớn, do đó việc nghiên cứu kinh tế Trung Quốc lại càng trở nên cần thiết. Một trong những lĩnh vực cần được nghiên cứu là tìm ra, phân tích, đánh giá những thành tựu và nguyên nhân của những thành tựu đó trong cải cách kinh tế của Trung Quốc. Bài báo này tập hợp những thông tin khác nhau từ nguồn của các tổ chức, cá nhân chuyên nghiên cứu kinh tế Trung Quốc trên thế giới, nhất là những nguồn có uy tín lớn như

Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Cục Tình báo Trung ương Mỹ (CIA)... để chọn lọc, tổng hợp, phân tích dữ liệu và thông tin có liên quan nhằm đạt được mục tiêu nghiên cứu.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Khung lý thuyết

Bài báo sử dụng khung lý thuyết của Khoa học Thống kê. Theo môn Khoa học này, trước hết phải dùng phương pháp mô hình hóa để giản lược những vấn đề phức tạp thành những yếu tố cơ bản nhất nhằm làm nổi rõ phương diện cần quan tâm. Do khuôn khổ của tạp chí không cho phép trình bày quá dài, bài báo chủ yếu sử dụng một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản. Trên cơ sở những chỉ tiêu đó, bài báo sử dụng phương pháp phân tích mô tả của Khoa học Thống kê để diễn giải chi tiết.

2.2. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu

GDP, GDP bình quân đầu người, tốc độ tăng trưởng GDP, qui mô công nghiệp, FDI, xuất nhập khẩu, thặng dư thương mại, dự trữ ngoại tệ.

2.3. Thu thập dữ liệu

Theo định hướng của mục tiêu và các chỉ tiêu nghiên cứu, bài báo tập hợp dữ liệu thứ cấp của các nguồn thông tin có uy tín trên thế giới.

2.4. Phân tích dữ liệu

Bài báo phân tích dữ liệu theo phương pháp Thống kê mô tả.

2.5 Tổng hợp dữ liệu

Các dữ liệu thu thập được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu Excel và Word, phân loại theo những hạng mục cần thiết để sử dụng làm cơ sở phân tích. Sau khi phân tích chi tiết, bài báo sẽ đi đến những nhận định tổng hợp để đi đến kết luận.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Những thành tựu nổi bật của kinh tế TQ

3.1.1. Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội

Từ 1979 đến 2012, GDP của TQ tăng trưởng bình quân mỗi năm 10% (Morrison, 2013). Từ 2012 tới nay tuy tụt giảm hẳn nhưng tốc độ tăng trưởng cũng vẫn rất cao, năm 2012: 7,9%, 2013: 7,8%; 2014: 7,3%; 2015: 6,9%, 2016: 6,7% (China NBS data, 2017). Tăng trưởng kinh tế của TQ hết sức độc đáo vì: *Thứ nhất*, đó là mức tăng trưởng đặc biệt cao, trong hiện tại cũng như trong quá khứ rất ít nền kinh tế có thể đạt được; *Thứ hai*, mức tăng trưởng đó kéo dài liên tục và ổn định trong một khoảng thời gian rất dài (gần bốn thập kỷ), là điều càng khó có nước nào đạt được.

3.1.2. Quy mô của nền kinh tế

Với dân số và diện tích lãnh thổ rất lớn, khi tăng trưởng cao, TQ nhanh chóng nổi lên thành

một nền kinh tế khổng lồ. Với tốc độ tăng trưởng hàng năm 10% thì bình quân cứ 8 năm GDP của TQ lại gấp đôi. Tùy theo đơn vị đo mà GDP của cùng một nước sẽ là các con số khác nhau. Theo IMF, tính theo \$US năm 2000 GDP của TQ vượt Italia, 2005 vượt Pháp, 2006 vượt Anh, 2007 vượt Đức, 2009 vượt Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới sau Mỹ (IMF, 2015). Năm 2014, tính theo \$US, GDP của TQ là \$US10.483,4 tỉ (IMF, 2015), bằng 2/3 con số \$US16.013 tỉ của Mỹ (Kimberly, 2017), nhưng cũng năm này, nếu đo bằng \$Int (đồng dollar quốc tế đo sức mua quy đổi tương đương) thì GDP của TQ lại là \$Int18.138,07 tỉ (IMF, 2015), còn của Mỹ vẫn chỉ là \$Int16.013 tỉ, như vậy theo cách tính này GDP của TQ đã vượt Mỹ 13,3% để trở thành nền kinh tế lớn nhất TG. Bảng 1 giới thiệu và so sánh GDP của TG, TQ, Mỹ và VN năm 2016 dựa trên dữ liệu của WB, qua đó ta sẽ thấy quy mô kinh tế TQ to lớn như thế nào. Tùy theo đơn vị đo mà GDP của TQ bằng 14,8% hoặc 18,6% TG, bằng 60,3% hoặc 115,3% Mỹ. Nền kinh tế VN bé tí hơn so với những người khổng lồ nói trên: tính theo \$US chỉ bằng 0,3% TG, 1,1% Mỹ, 1,8% TQ; tính theo \$Int chỉ bằng 0,5% TG, 3% Mỹ, 2,6% TQ.

Bảng 1: Quy mô kinh tế Thế giới, Trung Quốc, Mỹ và Việt Nam, 2016

Nền kinh tế	GDP (\$US)				GDP (\$Int)			
	GDP (tỉ \$US)	So với TG (%)	So với TQ (%)	So với Mỹ (%)	GDP (tỉ \$Int)	So với TG (%)	So với TQ (%)	So với Mỹ (%)
TG	75.544	100,0	674,6	406,8	115.166	100,0	537,7	620,2
TQ	11.199	14,8	100,0	60,3	21.417	18,6	100,0	115,3
Mỹ	18.569	24,6	165,8	100,0	18.569	16,1	86,7	100,0
N	203	0,3	1,8	1,1	552	0,5	2,6	3,0

Nguồn: Tính toán từ dữ liệu của WB

3.1.3. Mức tăng trưởng GDP bình quân đầu người

Biểu đồ 1 thể hiện GDP bình quân đầu người của TQ tính bằng \$US giai đoạn 2007-2016 (Trading Economics, 2017). Theo đó, mức tăng GDP đầu người của TQ là rất lớn, liên tục và ổn định. Nếu năm 2007 chỉ tiêu này chỉ là \$US3.487,8 thì năm

2016 đã là \$US6.894,5, gấp đôi trong vòng một thập kỷ và đứng trong nhóm đầu của các nước có thu nhập trung bình. GDP bình quân đầu người tăng nhanh khiến mức sống của người dân TQ được cải thiện nhanh và sức mua của thị trường nội địa lớn mạnh nhanh.



Biểu đồ 1: GDP bình quân đầu người của TQ giai đoạn 2007-2016

Nguồn: Trading Economics, WB

3.1.4. Sản xuất công nghiệp

Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, sau gần 40 năm TQ đã vươn lên với tốc độ chóng mặt trở thành ‘công xưởng của thế giới’ (qui mô công nghiệp lớn nhất TG). Theo CIA, năm 2016 công nghiệp đóng góp 39,8% GDP (CIA, 2017), dựa vào tỷ lệ này và dữ liệu trong Bảng 2, ta tính ra số tuyệt đối của công nghiệp TQ năm đó là \$US4.457 tỉ, cũng tính theo cách tương tự ta thấy năm đó công nghiệp Mỹ (lớn nhất TG trong hơn 1 thế kỷ cho tới khi bị TQ vượt qua) là \$US3.519 tỉ, chỉ bằng 80% TQ. Để có ấn tượng sâu sắc qui mô công nghiệp của TQ to lớn như thế nào, ta hãy xét ví dụ đơn cử sau: Tính theo World Steel Association, năm 2015 công nghiệp sắt thép của TQ đạt 803,8 triệu tấn, bằng tất cả các nước khác cộng lại, công nghiệp sắt thép của Mỹ chỉ đạt 78,8 triệu tấn (World Steel Association, 2017). TQ chính là nguyên nhân chủ yếu khiến công nghiệp sắt thép Mỹ suy tàn.

3.1.5. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Luồng FDI vào TQ rất lớn, trong ba năm 2014-2016, FDI vào TQ lần lượt là 128,5, 135,6 và 133,7 tỉ \$US (Stander TradePortal, 2017). Năm 2016, FDI vào Mỹ là \$US300,5 tỉ (OECD data, 2016), như vậy TQ đứng thứ nhì TG về mức độ hấp dẫn FDI, chỉ sau Mỹ. Nhưng không chỉ mức FDI vào TQ mới cao, mà (theo Liz Bentley-Pattison) FDI từ TQ ra nước ngoài cũng rất lớn, bình quân hàng năm \$US60 tỉ trong mấy năm gần đây, minh chứng rõ nhất là: i) TQ mua các công ty nước ngoài, đặc biệt là các công ty Bắc Mỹ và châu Âu; ii) năm 2015, FDI từ Trung Quốc ra nước ngoài đã vượt quá FDI từ nước ngoài vào Trung Quốc (Bentley-Pattison Liz, 2017).

3.1.6. Hình thành các công ty xuyên quốc gia

Thành lập các công ty xuyên quốc gia (TNC) là chủ trương của TQ dùng các công ty nhà nước và tư nhân lớn, với sự hỗ trợ cực mạnh về vốn của nhà nước, làm công cụ cạnh tranh toàn cầu

đầy sức mạnh. Ta hãy xem đoạn trích sau đây: “Hiện nay TQ chỉ đứng sau Mỹ về số các TNC... TQ liên tục đứng hàng số 2 trong danh sách các nước có TNC trong vòng 5 năm qua. Năm nay... liệt kê 106 TNC của TQ (gồm cả những công ty đặt trụ sở tại Hồng Kông) so với 128 TNC của Mỹ. Năm 2000 TQ có 10 trong khi Mỹ có 170 TNC, năm 2010, TQ có 46 trong khi Mỹ có 139 TNC. ...sự tăng trưởng ngoạn mục về số các công ty toàn cầu của TQ thật đáng khâm phục” (Focus Global South, 2016).

3.1.7. Thương mại quốc tế

Trong giai đoạn 1990-2012 tốc độ tăng trưởng xuất, nhập khẩu bình quân hàng năm của TQ lần lượt là 18,1% và 17,1%, nếu năm 1979 xuất nhập khẩu lần lượt chỉ là 13,7 và 15,7 tỉ \$US thì tới năm 2012, các con số tương ứng đã lên tới 2.050,1 và 1.817,3 tỉ \$US (Morrison M. Wayne, 2013) - xuất khẩu tăng 150 lần, nhập khẩu tăng 116 lần. Năm 2016, xuất khẩu của TQ đạt \$US1.990 tỉ trong khi Mỹ chỉ đạt \$US1.456 tỉ (CIA, 2017), nghĩa là TQ là nhà xuất khẩu lớn nhất thế giới. Về nhập khẩu, TQ đứng thứ nhì thế giới sau Mỹ, với mức nhập khẩu năm 2016 là \$US1.495 tỉ so với \$US2.208 tỉ của Mỹ (CIA, 2017). Thặng dư thương mại (TDTM) của TQ rất lớn, tính theo số liệu của Morrison (Morrison M. Wayne, 2013), giai đoạn 2005-2012, bình quân mỗi năm mức thặng dư đó là \$US201,6 tỉ; tính theo số liệu CIA đã dẫn trên, TDTM của TQ năm 2016 là \$US495 tỉ. Nhờ TDTM, TQ có dự trữ ngoại tệ lớn nhất thế giới với khoảng \$US3 nghìn tỉ (lớn hơn 15% GDP năm 2016 của nền kinh tế lớn thứ 5 thế giới là Anh) làm nguồn lực khổng lồ để chủ động bình ổn thị trường tài chính, thị trường tiền tệ. Trong khủng hoảng tài chính thế giới 2008, TQ đã tung ra gói cứu trợ \$US586 tỉ và ngăn chặn lan truyền khủng hoảng thành công.

3.2. Nguyên nhân thành công

3.2.1. Lợi thế về điều kiện tự nhiên

Lợi thế về điều kiện tự nhiên của TQ to lớn thuộc loại bậc nhất thế giới: Diện tích lớn; khí

hậu tốt; đủ loại địa hình và sinh thái thuận lợi; trữ năng thủy điện lớn nhất thế giới; khoáng sản hầu như không thiếu thứ gì với trữ lượng cũng thuộc loại lớn nhất thế giới; vị trí địa lý tốt nhất bờ tây Thái bình dương với cửa biển rộng lớn nối liền với các kênh thị trường lớn bậc nhất thế giới là Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông... Lợi thế đó là yếu tố hết sức thuận lợi cho phát triển kinh tế vì sự sẵn có của nguồn nguyên liệu thô khổng lồ, của mặt bằng sản xuất quy mô lớn; tiềm năng tự cung cấp phần lớn năng lượng cho phát triển kinh tế; lợi thế địa chính trị và địa kinh tế; khả năng tiếp cận thị trường dễ dàng...

3.2.2. Lợi thế về nguồn lao động

Với dân số lớn nhất thế giới (1,4 tỉ người) và ngày càng tăng nên nguồn lao động của TQ hết sức dồi dào. Do khu vực nông nghiệp được cơ giới hóa mà lao động nông thôn (hàng trăm triệu người) trở nên dư thừa và đổ ra thành thị kiếm việc làm. Chính phủ TQ lại rất tích cực xây dựng các khu định cư đô thị hóa gắn liền với sản xuất công nghiệp để tạo nhà ở và việc làm cho di dân nên dòng di cư đó lại càng được thúc đẩy. Các giá trị Nho giáo khiến cho người lao động TQ rất chăm chỉ và dễ bảo. Do phụ nữ TQ sẵn sàng làm những công việc mà phụ nữ Phương tây không bao giờ làm vì cho là không phù hợp với phân công lao động giới tính, và do chính sách mỗi gia đình chỉ có một con khiến thời gian nuôi con ít hơn nên họ tham gia lực lượng lao động với tỉ lệ lớn hơn nhiều so với mức bình quân của thế giới, điều đó khiến lực lượng lao động của TQ đã dồi dào lại càng dồi dào hơn. Nhờ phát triển công nghiệp tạo ra việc làm nên tỉ lệ thất nghiệp của TQ ngày càng giảm, nhưng mức thất nghiệp quá khur lại tạo áp lực làm giảm tiền lương: Nếu một công nhân đòi hỏi mức lương cao hơn thì sẽ có rất nhiều người khác sẵn sàng chấp nhận mức lương ấy để thay thế. Mức lương của TQ chỉ bằng khoảng 1/10 các nền kinh tế phát triển ở Đông Á, điều đó khiến tỉ suất lợi nhuận của các doanh nghiệp (cả TQ lẫn nước ngoài) là rất lớn, vì vậy họ đổ xô vào đầu tư khiến kinh tế tăng trưởng nhanh.

3.2.3. Hệ thống chính trị và sự lãnh đạo đất nước

Hệ thống chính trị do Đảng cộng sản lãnh đạo của TQ thống nhất, tập trung và có hiệu lực rất mạnh. Bên cạnh đó, chính phủ trung ương và các chính quyền địa phương luôn luôn xem trọng chính sách đào tạo và sử dụng nhân tài nên lúc nào cũng có đội ngũ hùng hậu các chuyên gia tư vấn có tài, nhất là các chuyên gia về kinh tế, do vậy việc thiết lập, thực thi các kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế rất hiệu quả, có thể thực

hiện bất cứ cải cách nào mà chính phủ thấy là cần thiết. Lãnh đạo đất nước, đứng đầu là Chủ tịch nước, luôn là những người có năng lực trí tuệ và sức mạnh ý chí rất cao, và theo truyền thống Nho giáo, họ có ý thức đặt lợi ích của đất nước lên trên lợi ích cá nhân. Hệ thống chính trị và sự lãnh đạo đất nước chính là tác nhân sâu xa, toàn diện và quan trọng nhất bảo đảm cho cải cách kinh tế thành công.

3.2.4. Chính sách phát triển kinh tế

Chính sách phát triển kinh tế của TQ rất năng động sáng tạo, đó chính là công cụ cốt lõi để nước này khai thác tới mức tối đa các lợi thế so sánh, vươn lên thành nền kinh tế số 1 toàn cầu. Ta hãy xét một số loại chính sách chủ yếu dưới đây.

- *Chính sách phát triển thị trường:* Từ khi bắt đầu cải cách, Trung Quốc đã lựa chọn con đường phát triển kinh tế thị trường tự do và tìm mọi cách thúc đẩy thị trường phát triển. Đây chính là chính sách có tính chất nền tảng quan trọng nhất, tạo bệ phóng trỗi dậy cho nền kinh tế khổng lồ.

- *Chính sách thu hút FDI:* Chính sách thu hút FDI vào TQ, đặc biệt là trong giai đoạn cải cách ban đầu (với một số ít đặc khu kinh tế ưu đãi, sau khi thí điểm thành công đã mở rộng ra toàn miền duyên hải) chính là yếu tố tác động kích hoạt vô cùng mạnh mẽ cho nền kinh tế vì vai trò lực kích tăng trưởng bằng đầu tư, tạo mũi nhọn xuất khẩu, tạo cung hàng tiêu dùng nội địa (vốn rất khan hiếm trong giai đoạn đầu), tạo công ăn việc làm, truyền bá công nghệ hiện đại, hội nhập toàn cầu...

- *Chính sách phát triển công nghiệp khai khoáng và công nghiệp năng lượng:* Phát triển công nghiệp đòi hỏi một nguồn nguyên liệu thô rất lớn. Với tiềm năng tự có của mình, TQ rất quan tâm phát triển công nghiệp khai khoáng. Khi đã trở thành nền kinh tế khổng lồ thì nguồn nguyên liệu nội địa trở nên không đủ, TQ lập tức có những chính sách kịp thời về nhập khẩu bổ sung. Nền kinh tế khổng lồ của TQ đòi hỏi tiêu thụ mức năng lượng lớn nhất thế giới, đó là điều rất khó đáp ứng và dễ gây ra khủng hoảng, nhưng ngay từ đầu TQ đã có những chính sách lo xa phát triển công nghiệp năng lượng: Đáp ứng nhu cầu trước mắt bằng cách phát triển nhiệt điện với nguồn nhiên liệu giá rẻ tự có vô tận và dễ khai thác là than, phát triển khai thác dầu mỏ, khí đốt...; đáp ứng nhu cầu lâu dài bằng cách phát triển thủy điện, đa dạng hóa nguồn nhập khẩu dầu mỏ và khí đốt...

- *Chính sách hướng vào xuất khẩu:* Học tập kinh nghiệm trong giai đoạn phát triển ban đầu của Nhật Bản và các con hổ kinh tế châu Á, khi cải cách, mở cửa, TQ đã sử dụng chính sách lấy

xuất khẩu làm mũi nhọn để bảo đảm có ngoại tệ mua sắm công nghệ hiện đại của thế giới và có dự trữ ngoại tệ, để tạo số nhân kích cầu nội địa, để tích lũy vốn tái đầu tư. Chính sách xuất khẩu là một trong những nguyên nhân chính khiến TQ trở thành tác nhân thương mại lớn nhất nhì thế giới.

- *Chính sách lấy đầu tư làm động lực kích hoạt nền kinh tế:* GDP của TQ được tăng lên bằng nhiều biện pháp, nhưng cho tới nay biện pháp chủ đạo vẫn là chính sách liên tục tăng đầu tư. Đầu tư của TQ chủ yếu được kích thích thông qua chi tiêu lớn của chính phủ vào các hạng mục chính là xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông vận tải (là điều được đặc biệt quan tâm, và cũng chính là một trong những nguyên nhân lớn nhất khiến TQ phát triển kinh tế thành công vượt trội áp đảo so với các nền kinh tế đang phát triển lớn khác như Ấn Độ, Brazil, Indonesia...) và mở rộng tài sản cố định công nghiệp (thông qua phát triển các doanh nghiệp nhà nước). Các yếu tố khác như nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn, cơ sở hạ tầng đầy đủ, sự sẵn có của các ngành công nghiệp phụ trợ, ảnh hưởng đầu tư nhà nước kích thích đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài, khiến cho đầu tư qui mô lớn luôn luôn có tính khả thi.

- *Chính sách phát triển các công ty xuyên quốc gia:* Mục đích, cách thức của chính sách này đã được đề cập ở mục 3.1.6.

- *Chính sách phát triển giáo dục:* TQ có chính sách quan tâm phát triển tài nguyên con người nên giáo dục của Trung Quốc đã phát triển rất mạnh. Nhờ đó, bên cạnh nguồn lao động phổ thông dồi dào, nguồn lao động tay nghề cao của Trung Quốc cũng rất lớn, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển.

- *Chính sách phát triển khu vực kinh tế tư nhân:* Ban đầu hầu như tất cả các doanh nghiệp chế biến đều thuộc sở hữu nhà nước, nhưng cùng với sự phát triển kinh tế thị trường, TQ dần dần tái cơ cấu kinh tế theo hướng mở rộng khu vực kinh tế tư nhân là khu vực kinh tế năng động nhất. Tới nay khu vực này đã đóng góp từ 50-70% vào GDP.

- *Chính sách hội nhập toàn cầu:* Như đã nói về FDI, về thương mại quốc tế và về sự thành lập các TNC, ngay từ khi mới cải cách TQ đã có chính sách mở cửa tích cực và hội nhập toàn cầu, tới nay đã trở thành một trong những tác nhân lớn nhất của nền kinh tế thế giới. Địa vị của TQ trong hội nhập toàn cầu khiến cho họ có lợi thế rất lớn và toàn diện về các mặt kinh tế, chính trị,

ngoại giao, quốc phòng, sức mạnh đàm phán thương lượng...

- *Sự linh hoạt điều chỉnh chính sách:* Mỗi khi nền kinh tế đứng trước những thách thức mới, chính phủ TQ lập tức thay đổi chính sách một cách rất nhạy bén, linh hoạt, chính xác, kịp thời và có hiệu lực mạnh để ứng phó. Tùy theo tầm cỡ của thách thức mà sự điều chỉnh đó có tầm chiến thuật hay chiến lược. Chính sự linh hoạt điều chỉnh chính sách này đã khiến cho kinh tế TQ luôn luôn phát triển nhanh, mạnh, vững chắc và đúng hướng. Các ví dụ điển hình sau đây minh chứng rõ nhất cho các nhận định trên: 1) Ban đầu TQ phát triển kinh tế theo hướng ưu tiên xuất khẩu, nhưng khi xuất khẩu tụt giảm do khủng hoảng tài chính thế giới 2008, đồng thời tăng lớp trung lưu với sức mua khổng lồ ngày càng đông đảo thì ưu tiên lại chuyển sang sản xuất hàng tiêu dùng thay thế nhập khẩu. 2) Cũng do xuất khẩu tụt giảm khiến tăng trưởng chậm lại, hiện nay TQ đang chủ trương điều chỉnh căn bản chiến lược phát triển: Chấp nhận tăng trưởng chậm hơn để tái cơ cấu nền kinh tế, đa dạng hóa cơ sở tăng trưởng, quan trọng nhất là chiến lược chuyển nhân tố chủ công kích cầu từ đầu tư sang tiêu dùng nội địa; 3) Trong những năm đầu của thập kỷ 1990, nền kinh tế tăng trưởng quá nóng, giá bất động sản tăng cao bất thường, nguy cơ xảy ra ‘nền kinh tế bong bóng’ rất lớn, TQ lập tức có những chính sách rất ráo quyết liệt để kiềm tốc độ tăng trưởng chậm lại, giữ vững được sự ổn định; 4) Trong những thời gian xảy ra khủng hoảng tài chính như khủng hoảng Đông Nam Á 1997, khủng hoảng Đông Á 2002, đặc biệt trầm trọng là khủng hoảng thế giới 2008, TQ luôn luôn có những chính sách ứng phó hiệu quả để bảo vệ thành công sự ổn định của nền kinh tế.

4. Gợi ý chính sách

Chúng ta cần chú trọng phát triển thị trường và có những chính sách điều chỉnh linh hoạt để thị trường phát triển đúng hướng, cần phải quan tâm tới những chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản của Trung Quốc và những nền kinh tế lớn để ước lượng tác động của những nền kinh tế này tới nền kinh tế Việt Nam, đồng thời phải hết sức chú ý cập nhật những diễn biến của kinh tế thế giới để có thể có thể chủ động điều chỉnh linh hoạt chính sách.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy TQ đã cải cách và phát triển kinh tế rất thành công, hiện thực hóa tiên đoán của Napoleon: “*TQ là người khổng lồ đang ngủ, khi tỉnh dậy sẽ làm rung chuyển TG*”. Thành công đó được thể hiện qua các chỉ tiêu:

GDP, tốc độ tăng trưởng GDP và GDP đầu người, FDI, phát triển công nghiệp, thương mại quốc tế... Nguyên nhân thành công là do những lợi thế lớn về các điều kiện tự nhiên và điều kiện kinh tế - xã hội và, quan trọng nhất là sự lãnh đạo kinh tế của chính phủ TQ. Nghiên cứu này là nỗ lực giới thiệu 1 phác họa chân dung cơ bản về nền kinh tế TQ đương đại, để hiểu biết đầy đủ hơn cần phải có những nghiên cứu sâu hơn. Bên cạnh đó, nhiều lĩnh vực quan trọng khác, chẳng

hạn những nhược điểm lớn trong phát triển kinh tế của TQ như: Ô nhiễm môi trường, chênh lệch giàu nghèo, tham nhũng, dân số già hóa, tiền lương tăng làm giảm lợi thế cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước không hiệu quả, nợ khó đòi lớn của ngân hàng, đặc tính cần kiệm của người dân khiến khó kích cầu tiêu dùng..., cũng cần phải được quan tâm nghiên cứu kỹ càng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bentley-Pattison Liz. (2017). *Factors Explaining the Rapid Economic Growth of China In Recent Decades*, Geography, truy cập 16/12/2017, <https://www.tutor2u.net/geography/reference/factors-explaining-the-rapid-economic-growth-of-china-in-recent-decades>
- [2]. China NBS data. (2017). *Historical GDP of China*. Wikipedia, truy cập 16/12/2017, https://en.wikipedia.org/wiki/Historical_GDP_of_China
- [3]. CIA, *World Factbook, Exports*, truy cập 17/12/2017, <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/rankorder/2087rank.html>
- [4]. CIA. *World Factbook, Imports*, truy cập 17/12/2017, <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/rankorder/2087rank.html>
- [5]. CIA. *Field listing: GDP- Composition, by sector of origin*, The World Factbook, truy cập 16/12/2017, <https://www.cia.gov/library/publications/the-world-factbook/fields/2012.html>
- [6]. Focus Global South. 2016. *The Rise of Chinese TNCs, BRICS, and Current Global Challenges*, truy cập 18/12/2017, <https://focusweb.org/content/rise-chinese-tncs-brics-and-current-global-challenges>
- [7]. Kimberly. 2017. *US economy: U.S. GDP by Year Compared to Recessions and Events*, The balance, truy cập 16/12/2017, <https://www.thebalance.com/us-gdp-by-year-3305543>
- [8]. Morrison M. Wayne. (2013). *China's Economic Rise: History, Trends, Challenges, and Implications for the United States*, truy cập 16/12/2017, www.refworld.org/pdfid/52cfef6b4.pdf
- [9]. OECD. 2016. *FDI flow*, OECD data, truy cập 17/12/2017, <https://data.oecd.org/fdi/fdi-flows.htm>
- [10]. Stander Trade Portal. (2017). *China: Foreign Investment*, truy cập 17/12/2017, <https://en.portal.santandertrade.com/establish-overseas/china/foreign-investment>
- [11]. Trading Economics. *China GDP per capita, 1960-2016*, truy cập 17/12/2017, <https://tradingeconomics.com/china/gdp-per-capita>
- [12]. WB. *List of countries by GDP (PPP)*. Wikipedia, truy cập 16/12/2017, [https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_countries_by_GDP_\(PPP\)](https://en.wikipedia.org/wiki/List_of_countries_by_GDP_(PPP))

Thông tin tác giả:

1. Cù Phúc Thành

-Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: phucthanhcu@gmail.com

2. Nguyễn Thị Mai Hương

-Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD

3. Bé Hùng Trường

-Đơn vị công tác: Trường ĐH Kinh tế & QTKD

Ngày nhận bài: 20/12/2017

Ngày nhận bản sửa: 29/12/2017

Ngày duyệt đăng: 15/01/2018